UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2021

(Đính kèm thông báo số: 58 /TB- CNTĐ-HSSV ngày 10 tháng 05 năm 2024)

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
1	21211DN4721	Phan Hữu	Thịnh	CD21DN1	9,69	Xuất sắc	95	Xuất sắc	16	16	22/11/2023		DDT
2	21211TT4490	Lê Minh	Trí	CD21TT8	9,29	Xuất sắc	95	Xuất sắc	7	7	28/11/2023		CNTT
3	21211TT4375	Nguyễn Thị Lan	Anh	CD21TT8	9,29	Xuất sắc	90	Xuất sắc	12	12	22/02/2024		CNTT
4	21211DH3952	Nguyễn Long	Nhi	CD21DH3	9,22	Xuất sắc	73	Khá	16	16	17/11/2023		CNTT
5	21211DD1624	Lưu Phúc	Thuận	CD21DD2	9,16	Xuất sắc	72	Khá	10	10	22/11/2023		DDT
6	21211TM1536	Lương Chiếu	Huy	CD21TM2	9,13	Xuất sắc	85	Tốt	12	12	09/01/2024		CNTT
7	21211DH0095	Nguyễn Thái	Sơn	CD21DH1	9,09	Xuất sắc	100	Xuất sắc	16	16	16/11/2023		CNTT
8	21211TM3431	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	CD21TM1	9,01	Xuất sắc	70	Khá	8	8	15/12/2023		CNTT
9	21211DH3381	Mai Bính	Quy	CD21DH3	9	Xuất sắc	74	Khá	16	16	05/12/2023		CNTT
10	21211OT1758	Nguyễn Đình	Thuận	CD21OT10	9	Xuất sắc	72	Khá	17	17	18/11/2023		CKOT
11	21211OT3276	Võ Ngọc	Huy	CD21OT7	8,93	Giỏi	84	Tốt	13	13	15/01/2024		CKOT
12	21211TT2347	Nguyễn Phan Thái	Bảo	CD21TT5	8,88	Giỏi	71	Khá	12	12	21/11/2023		CNTT
13	21211OT0204	Phan Thành	Đạt	CD21OT1	8,86	Giỏi	95	Xuất sắc	13	13		TNC114170	CKOT
14	21211OT0070	Hoàng Văn	Trọng	CD21OT1	8,83	Giỏi	89	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
15	21211DC3681	Bùi Minh	Phụng	CD21DC2	8,82	Giỏi	71	Khá	17	17		TNC112100	DDT
16	21211DN0803	Châu Văn	Phúc	CD21DN1	8,79	Giỏi	90	Xuất sắc	16	16	17/11/2023		DDT
17	21211NH2740	Nguyễn Hoàng Ho	Trang	CD21NH1	8,79	Giỏi	90	Xuất sắc	7	7	27/11/2023		DL
18	21211TT4399	Nguyễn Đắc	Kiên	CD21TT8	8,79	Giỏi	85	Tốt	12	12	02/01/2024		CNTT
19	21211DT2713	Lê Tấn	Thành	CD21DT1	8,79	Giỏi	79	Khá	17	17		CNC113060	DDT
20	21211DH4395	Nguyễn Văn	An	CD21DH5	8,78	Giỏi	70	Khá	16	16	29/11/2023		CNTT
21	21211OT1991	Phạm Minh	Duy	CD21OT16	8,77	Giỏi	75	Khá	13	13		TNC114150	CKOT

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
22	21211OT0127	Võ Thành	Đạt	CD21OT1	8,71	Giỏi	75	Khá	13	13		TNC114170	CKOT
23	21211TT4718	Võ Thị Hồng	Tư	CD21TT9	8,71	Giỏi	71	Khá	12	12	17/11/2023		CNTT
24	21211OT0278	Phạm Văn	Hậu	CD21OT1	8,68	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13		TNC114170	CKOT
25	21211DD1027	Vũ Anh	Tới	CD21DD1	8,67	Giỏi	85	Tốt	20	20		TNC112030	DDT
26	21211TT0527	Lê Thanh	Lịch	CD21TT2	8,64	Giỏi	95	Xuất sắc	7	7	20/11/2023		CNTT
27	21211OT1704	Dương Ngọc	Cẩm	CD21OT2	8,63	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13		TNC114170	CKOT
28	21211QT3268	Nguyễn Đức	Giới	CD21QT4	8,61	Giỏi	81	Tốt	17	17	16/11/2023		QTKD
29	21211DD1948	Lê Trọng	Tín	CD21DD1	8,59	Giỏi	91	Xuất sắc	16	16		TNC112030	DDT
30	21211KS3048	Lê Cẩm	Trúc	CD21KS1	8,55	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13	17/11/2023		DL
31	21211DD2056	Hồ Minh	Vọng	CD21DD1	8,53	Giỏi	80	Tốt	16	16		TNC112030	DDT
32	21211TA5167	Nguyễn Ngọc Bích	Phượng	CD21TA1	8,52	Giỏi	100	Xuất sắc	11	11	17/11/2023		TA
33	21211KT0361	Đỗ Thị Thanh	Tâm	CD21KT1	8,52	Giỏi	95	Xuất sắc	13	13		CNK110100	TCKT
34	21211OT4574	Nguyễn Phước	Lộc	CD21OT17	8,51	Giỏi	100	Xuất sắc	13	13		CSC114080	CKOT
35	21211TH4750	Phạm Nguyễn Anh	Thư	CD21TH3	8,51	Giỏi	100	Xuất sắc	12	12		CNK125073	TH
36	21211OT0754	Lê Thành	Luân	CD21OT4	8,51	Giỏi	75	Khá	16	16		TNC114160	CKOT
37	21211TH1687	Tài Thị Mi	La	CD21TH2	8,51	Giỏi	75	Khá	10	10	19/11/2023		TH
38	21211KS4871	Dương Thị Kiều	Lan	CD21KS1	8,5	Giỏi	75	Khá	5	5	20/02/2024		DL
39	21211CK1919	Huỳnh Văn	Thanh	CD21CK4	8,49	Giỏi	84	Tốt	10	10	29/11/2023		CKCTM
40	21211DD2070	Nguyễn Hiếu	Anh	CD21DD1	8,48	Giỏi	85	Tốt	15	15	22/11/2023		DDT
41	21211DD3993	Quách Đắc	Nguyên	CD21DD2	8,48	Giỏi	81	Tốt	18	18		CSC112090	DDT
42	21211TH0842	Chu Thị Huyền	Trang	CD21TH1	8,46	Giỏi	75	Khá	10	10	22/11/2023		TH
43	21211KT1376	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CD21KT1	8,4	Giỏi	100	Xuất sắc	11	11		CNC110110	TCKT
44	21211KD2251	Hồ Thị Yến	Nhi	CD21KD1	8,4	Giỏi	80	Tốt	18	18		CSC104040	QTKD
45	21211DH0811	Bùi Thị	Nhung	CD21DH4	8,38	Giỏi	97	Xuất sắc	16	16	17/11/2023		CNTT
46	21211DD0458	Hà Bảo	Tiên	CD21DD1	8,38	Giỏi	75	Khá	16	16		TNC112030	DDT
47	21211OT1225	Phạm Lương	Mạnh	CD21OT10	8,37	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13		TNC114170	CKOT
48	21211OT2106	Nguyễn Văn	Luyến	CD21OT4	8,37	Giỏi	84	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
49	21211DD2517	Nguyễn Bạch	Ngoan	CD21DD1	8,37	Giỏi	81	Tốt	17	17	22/11/2023		DDT
50	21211QT1741	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CD21QT5	8,36	Giỏi	95	Xuất sắc	17	17		CNC104111	QTKD
51	21211KS0912	Nguyễn Thúy Ngọ	Lan	CD21KS1	8,36	Giỏi	90	Xuất sắc	7	7	06/12/2023		DL

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
52	21211DC2711	Ngô Nhựt	Thiện	CD21DC1	8,35	Giỏi	91	Xuất sắc	11	11		TNC112030	DDT
53	21211TM3609	Đỗ Tuấn	Huy	CD21TM1	8,35	Giỏi	79	Khá	10	10	27/11/2023		CNTT
54	21211TT4496	Trương Quang	Tiến	CD21TT8	8,34	Giỏi	76	Khá	9	9	30/12/2023		CNTT
55	21211CK4746	Phạm Công	Nguyên	CD21CK4	8,34	Giỏi	70	Khá	14	14	17/11/2023		CKCTM
56	21211OT0807	Hoàng Huy	Đông	CD21OT4	8,33	Giỏi	85	Tốt	11	11		TNC114160	CKOT
57	21211OT1224	Phan Thị Phụng	Như	CD21OT1	8,33	Giỏi	81	Tốt	11	11		TNC114160	CKOT
58	21211DD0501	Nguyễn Nhật	Huy	CD21DD1	8,32	Giỏi	95	Xuất sắc	17	17		TNC112030	DDT
59	21211OT1699	Bùi Trọng	Hùng	CD21OT10	8,32	Giỏi	89	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
60	21211DH3845	Lâm Thành	Thuận	CD21DH3	8,31	Giỏi	77	Khá	16	16	22/11/2023		CNTT
61	21211CK4747	Hồ Đắc	Huy	CD21CK4	8,3	Giỏi	71	Khá	13	13	18/11/2023		CKCTM
62	21211QT5201	Hà Thị Linh	Huệ	CD21QT5	8,3	Giỏi	70	Khá	12	12	21/11/2023		QTKD
63	21211OT4857	Thi Thái	Toàn	CD21OT18	8,29	Giỏi	94	Xuất sắc	13	13		TNC114160	CKOT
64	21211DD0525	Phan Đình	Lĩnh	CD21DD1	8,29	Giỏi	84	Tốt	15	15	16/11/2023		DDT
65	21211OT1824	Võ Thành	Lộc	CD21OT11	8,28	Giỏi	86	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
66	21211KT1331	Nguyễn Thị	Đoan	CD21KT2	8,25	Giỏi	100	Xuất sắc	13	13		CSK110040	TCKT
67	21211TH1932	Nguyễn Anh	Thư	CD21TH2	8,25	Giỏi	85	Tốt	10	10		CNK125073	TH
68	21211LG2494	Trần Thị Hồng	Nữ	CD21LG2	8,25	Giỏi	80	Tốt	13	13		TNC104070	QTKD
69	21211CK2058	Nguyễn Quốc	Cường	CD21CK1	8,25	Giỏi	70	Khá	5	5	16/11/2023		CKCTM
70	21211KT4797	Lê Thị	Lan	CD21KT3	8,24	Giỏi	95	Xuất sắc	11	11		CNC110110	TCKT
71	21211DN0832	Cao Minh	Cường	CD21DN1	8,24	Giỏi	90	Xuất sắc	16	16	21/11/2023		DDT
72	21211OT0332	Nguyễn Đức	Chuyên	CD21OT12	8,23	Giỏi	79	Khá	13	13		TNC114170	CKOT
73	21211OT4288	Bùi Vĩnh	Thông	CD21OT16	8,23	Giỏi	71	Khá	16	16		TNC114170	CKOT
74	21211KS3661	Lê Thị Tuyết	Nga	CD21KS1	8,22	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13	19/11/2023		DL
75	21211QT4073	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CD21QT4	8,22	Giỏi	71	Khá	14	14		CNC104111	QTKD
76	21211TT4477	Vũ Hoàng	Tuấn	CD21TT8	8,21	Giỏi	85	Tốt	7	7	30/11/2023		CNTT
77	21211DD1938	Nguyễn Hữu	Đạt	CD21DD1	8,21	Giỏi	71	Khá	17	17		TNC112030	DDT
78	21211TT1539	Nguyễn Phương	Tri	CD21TT3	8,2	Giỏi	100	Xuất sắc	10	10	17/12/2023		CNTT
79	21211CD0336	Mai Xuân	Huy	CD21CD1	8,2	Giỏi	80	Tốt	20	20	17/11/2023		CNTD
80	21211TT4494	Nguyễn Hồng	Phúc	CD21TT11	8,2	Giỏi	76	Khá	5	5	01/12/2023		CNTT
81	21211DD3867	Trịnh Cao	Lâm	CD21DD2	8,2	Giỏi	75	Khá	15	15		CNC112020	DDT

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
82	21211CK1832	Uông Sỹ Tuấn	Anh	CD21CK1	8,18	Giỏi	75	Khá	16	16		TNC102090	CKCTM
83	21211KS4055	Lê Thị Thanh	Mai	CD21KS1	8,17	Giỏi	95	Xuất sắc	15	15		TNC115010	DL
84	21211OT3580	Bùi Ngọc	Lâm	CD21OT11	8,17	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13		TNC114160	CKOT
85	21211OT3587	Lê Ngọc	Tình	CD21OT13	8,17	Giỏi	85	Tốt	13	13		CSC114080	CKOT
86	21211OT0188	Nguyễn Văn	Quân	CD21OT1	8,17	Giỏi	76	Khá	13	13		CSC114080	CKOT
87	21211OT1897	Nguyễn Thành	Thông	CD21OT6	8,17	Giỏi	76	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
88	21211LH1333	Võ Thị Diệu	Mai	CD21LH1	8,14	Giỏi	90	Xuất sắc	13	13	11/01/2024		DL
89	21211OT2899	Diệp Mạnh	Trí	CD21OT10	8,14	Giỏi	84	Tốt	13	13		TNC114150	CKOT
90	21211OT3328	Nguyễn Hùng	Dũng	CD21OT6	8,14	Giỏi	80	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
91	21211TH4917	Nguyễn Phan Tuyế	Nhạn	CD21TH3	8,13	Giỏi	90	Xuất sắc	12	12		CNK125073	TH
92	21211QT4600	Hồ Thị Ngọc	Nhi	CD21QT5	8,12	Giỏi	82	Tốt	15	15		CNC104092	QTKD
93	21211OT3743	Đinh Hữu	Nam	CD21OT11	8,12	Giỏi	80	Tốt	13	13		TNC114150	CKOT
94	21211OT2066	Trần Văn	Thành	CD21OT4	8,12	Giỏi	71	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
95	21211QT0296	Nguyễn Thanh	Huy	CD21QT4	8,11	Giỏi	87	Tốt	17	17		CNC104092	QTKD
96	21211TH4606	Lê Đặng Diễm	Vy	CD21TH3	8,09	Giỏi	100	Xuất sắc	9	9	21/11/2023		TH
97	21211OT1346	Võ Nhật	Thắng	CD21OT2	8,09	Giỏi	95	Xuất sắc	13	13		TNC114150	CKOT
98	21211DH1025	Hoàng Ngọc Uyển	Nhi	CD21DH4	8,09	Giỏi	78	Khá	16	16	30/11/2023		CNTT
99	21211CD1116	Nguyễn Đức	Sáng	CD21CD1	8,08	Giỏi	100	Xuất sắc	20	20	16/11/2023		CNTD
100	21211TT1454	Trần Thanh	Hải	CD21TT1	8,08	Giỏi	90	Xuất sắc	12	12	05/12/2023		CNTT
101	21211LH1918	Cao Ngọc Lan	Vy	CD21LH1	8,08	Giỏi	81	Tốt	13	13	20/11/2023		DL
102	21211OT1985	Nguyễn Tri	Ứng	CD21OT3	8,08	Giỏi	75	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
103	21211DN5159	Nguyễn Hoàng Th	Vương	CD21DN1	8,06	Giỏi	81	Tốt	18	18		DCC100220	DDT
104	21211OT0011	Nguyễn Thanh	Huy	CD21OT1	8,06	Giỏi	76	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
105	21211LG3297	Lê Nguyễn Hà	Vy	CD21LG2	8,06	Giỏi	75	Khá	12	12		TNC104070	QTKD
106	21211OT1232	Lê Văn	Lý	CD21OT5	8,05	Giỏi	95	Xuất sắc	13	13		CSC114080	CKOT
107	21211TT3881	Võ Thành	Luân	CD21TT6	8,05	Giỏi	85	Tốt	16	16	10/12/2023		CNTT
108	21211OT2454	Võ Duy	Tiến	CD21OT3	8,05	Giỏi	85	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
109	21211OT3398	Nguyễn Văn	Dũng	CD21OT15	8,03	Giỏi	86	Tốt	14	14		CSC102150	CKOT
110	21211TH2877	Phùng Thị	Vương	CD21TH1	8,03	Giỏi	85	Tốt	12	12		CNK125020	TH
111	21211DC1098	Phạm Tiến	Thái	CD21DC2	8,03	Giỏi	76	Khá	27	27		NNC100040	DDT

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
112	21211DC0098	Lư	Tuyên	CD21DC1	8,03	Giỏi	70	Khá	9	9		CNC112900	DDT
113	21211LH2171	Thị	Vàng	CD21LH1	8,02	Giỏi	100	Xuất sắc	13	13	16/11/2023		DL
114	21211DC0786	Phạm Quang	Huy	CD21DC1	8,02	Giỏi	95	Xuất sắc	13	13		CNC112900	DDT
115	21211LG4078	Trần Duy	Khải	CD21LG2	8,02	Giỏi	75	Khá	13	13	17/11/2023		QTKD
116	21211DK1052	Trần Quốc	Huy	CD21DK1	8,02	Giỏi	75	Khá	13	13		CNK129020	CNTD
117	21211KT0997	Lê Thị Huyền	Trang	CD21KT1	8	Giỏi	95	Xuất sắc	13	13		TNC110080	TCKT
118	21211TH4560	Trần Thị Bích	Nhi	CD21TH3	8	Giỏi	85	Tốt	5	5		CNK125073	TH
119	21211TT0203	Trương Văn	Thiện	CD21TT1	8	Giỏi	84	Tốt	2	2	16/11/2023		CNTT
120	21211OT4209	Nguyễn Thanh	Quang	CD21OT16	7,98	Khá	73	Khá	13	13		CSC114080	CKOT
121	21211TA4410	Đặng Mai	Phương	CD21TA2	7,95	Khá	95	Xuất sắc	11	11		CNC116300	TA
122	21211OT0665	Trần Đăng	Phương	CD21OT4	7,95	Khá	85	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
123	21211DD3147	Cao Xuân	Hơn	CD21DD1	7,95	Khá	84	Tốt	22	22		TNC112030	DDT
124	21211CK5032	Lê Quang	Nhựt	CD21CK4	7,95	Khá	84	Tốt	14	14		TNC102090	CKCTM
125	21211TT1444	Trịnh Viết	Tiến	CD21TT1	7,95	Khá	83	Tốt	4	4	16/11/2023		CNTT
126	21211OT3025	Nguyễn Huỳnh Ch	Khoa	CD21OT13	7,95	Khá	74	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
127	21211OT2868	Lưu Minh	Trí	CD21OT6	7,94	Khá	84	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
128	21211OT1755	Nguyễn Phan Hồn	Phát	CD21OT10	7,94	Khá	79	Khá	16	16		TNC114160	CKOT
129	21211NH1324	Phó Dương Ánh	Nguyệt	CD21NH1	7,94	Khá	79	Khá	9	9	21/11/2023		DL
130	21211TH0096	Lê Thị Thanh	Nga	CD21TH1	7,94	Khá	75	Khá	10	10		CNK125073	TH
131	21211TH3698	Nguyễn Thị Hoài	Thương	CD21TH3	7,94	Khá	74	Khá	10	10		CNK125073	TH
132	21211TT1217	Nguyễn Thành	Vũ	CD21TT3	7,93	Khá	90	Xuất sắc	19	19	28/11/2023		CNTT
133	21211TH0847	Nguyễn Thị Hồng	Vân	CD21TH1	7,93	Khá	90	Xuất sắc	12	12		CNK125073	TH
134	21211NH2737	Nguyễn Thị Tú	Trinh	CD21NH1	7,93	Khá	85	Tốt	18	18		CNC115260	DL
135	21211TN2578	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	CD21TN1	7,91	Khá	79	Khá	17	17		TNC130020	TN
136	21211OT1222	Nguyễn Quốc	Hưng	CD21OT1	7,91	Khá	79	Khá	15	15		TNC114160	CKOT
137	21211KS4002	Vũ Xuân	Nguyên	CD21KS1	7,89	Khá	85	Tốt	16	16	20/11/2023		DL
138	21211TM4286	Nguyễn Huỳnh Bả	Trân	CD21TM1	7,89	Khá	75	Khá	14	14	21/11/2023		CNTT
139	21211OT2449	Hà Nguyễn Hoàng	Xong	CD21OT11	7,89	Khá	74	Khá	16	16		GDQP; TNC1	CKOT
140	21211QT0131	Lê Thị Thanh	Thủy	CD21QT4	7,87	Khá	92	Xuất sắc	17	17		CNC104092	QTKD
141	21211OT3893	Nguyễn Đình	Phong	CD21OT15	7,87	Khá	84	Tốt	11	11		TNC114160	CKOT

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
142	21211OT1245	Từ Ngọc	Quyền	CD21OT11	7,86	Khá	89	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
143	21211DK5024	Trần	Hùng	CD21DK2	7,86	Khá	87	Tốt	15	15	23/11/2023		CNTD
144	21211OT2030	Phạm Đình	Chiến	CD21OT8	7,86	Khá	79	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
145	21211DD1354	Võ Xuân	Hoài	CD21DD1	7,86	Khá	78	Khá	21	21		TNC112030	DDT
146	21211OT3484	Nguyễn Tuấn	Kiệt	CD21OT15	7,86	Khá	72	Khá	15	15		TNC114150	CKOT
147	21211DC3950	Đặng Quốc	Duy	CD21DC2	7,86	Khá	70	Khá	21	21		CNC112900	DDT
148	21211KS0854	Lý Nguyễn Hoài	Phương	CD21KS1	7,85	Khá	90	Xuất sắc	13	13		TNC115010	DL
149	21211OT1809	Nguyễn Xuân	Phong	CD21OT11	7,85	Khá	88	Tốt	13	13		TNC114170	CKOT
150	21211TH3223	Đoàn Thị Phi	Yến	CD21TH1	7,85	Khá	85	Tốt	10	10		CNK125073	TH
151	21211NH2984	Nguyễn Thị	Hằng	CD21NH1	7,85	Khá	80	Tốt	14	14	08/12/2023		DL
152	21211OT3685	Nguyễn Minh	Quốc	CD21OT17	7,85	Khá	74	Khá	13	13		CSC114080	CKOT
153	21211TA5205	Nguyễn Ngọc	Giàu	CD21TA2	7,84	Khá	85	Tốt	12	12		CNC116300	TA
154	21211OT2670	Nguyễn Thái	Sơn	CD21OT17	7,84	Khá	73	Khá	15	15		TNC114170	CKOT
155	21211KS0328	Nguyễn Thanh	Anh	CD21KS1	7,83	Khá	85	Tốt	11	11		TNC115010	DL
156	21211DC2218	Lưu Văn	Đoàn	CD21DC1	7,83	Khá	84	Tốt	21	21	16/11/2023		DDT
157	21211QT2313	Lê Văn	Thanh	CD21QT4	7,83	Khá	74	Khá	20	20		CNC104111	QTKD
158	21211OT1847	Lê Minh	Huy	CD21OT3	7,82	Khá	89	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
159	21211KS1689	Nguyễn Thị Kim	Trân	CD21KS1	7,82	Khá	85	Tốt	15	15	21/11/2023		DL
160	21211TT4612	Mạch Thiên	Tú	CD21TT9	7,82	Khá	84	Tốt	10	10	17/11/2023		CNTT
161	21211TH3080	Ngô Nguyễn Mỹ	Yến	CD21TH2	7,82	Khá	80	Tốt	5	5		CNK125073	TH
162	21211OT0369	Trần Tuấn	Kiệt	CD21OT8	7,82	Khá	79	Khá	13	13		TNC114150	CKOT
163	21211OT0908	Lê Anh	Kiệt	CD21OT6	7,82	Khá	74	Khá	16	16		TNC114160	CKOT
164	21211OT0211	Trần Xuân Nam	Khánh	CD21OT1	7,82	Khá	70	Khá	13	13		TNC114170	CKOT
165	21211QT3670	Lê Thị Cẩm	Vân	CD21QT4	7,81	Khá	90	Xuất sắc	14	14		CNC104111	QTKD
166	21211LH3570	Lê Hoài	Thương	CD21LH1	7,81	Khá	90	Xuất sắc	13	13	21/11/2023		DL
167	21211TC0827	Trần Thị Như	Quỳnh	CD21TC1	7,81	Khá	75	Khá	15	15		CNK110100	TCKT
168	21211OT0625	Doãn	Duy	CD21OT4	7,81	Khá	74	Khá	15	15		CSK114010	CKOT
169	21211OT2149	Phan	Hiệp	CD21OT13	7,8	Khá	80	Tốt	15	15		CSC114080	CKOT
170	21211TA3924	Nguyễn Ngọc Tha	Liêm	CD21TA1	7,8	Khá	79	Khá	11	11		CNC116300	TA
171	21211DD3284	Nguyễn Anh	Trường	CD21DD2	7,8	Khá	77	Khá	16	16	21/11/2023		DDT

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
172	21211LG2763	Phạm Thị Thảo	Minh	CD21LG2	7,79	Khá	80	Tốt	13	13		TNC104070	QTKD
173	21211OT4765	Đoàn Văn Tuấn	Hùng	CD21OT19	7,78	Khá	88	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
174	21211QT2420	Bùi Thị Tuyết	Nhi	CD21QT1	7,78	Khá	83	Tốt	19	19		CNC104111	QTKD
175	21211DK3192	Đỗ Hoàng	Nhân	CD21DK1	7,78	Khá	83	Tốt	18	18		NNC100040	CNTD
176	21211OT1511	Đỗ Thanh	Chiến	CD21OT11	7,78	Khá	79	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
177	21211OT3468	Đoàn Bá	Đức	CD21OT18	7,78	Khá	79	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
178	21211DK2563	Trần Trung	Hiệp	CD21DK1	7,77	Khá	82	Tốt	15	15	16/11/2023		CNTD
179	21211LH4937	Phạm Thị Thanh	Ngân	CD21LH1	7,76	Khá	74	Khá	13	13	17/11/2023		DL
180	21211TN1209	Nguyễn Nguyên T	Vy	CD21TN2	7,75	Khá	95	Xuất sắc	17	17		TNC130020	TN
181	21211DH1303	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc	CD21DH2	7,75	Khá	70	Khá	16	16	24/11/2023		CNTT
182	21211OT2029	Đỗ Thanh	Nhựt	CD21OT5	7,74	Khá	88	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
183	21211DD3692	Lê Tấn	Phát	CD21DD2	7,73	Khá	79	Khá	18	18	16/11/2023		DDT
184	21211CK2467	Huỳnh Ảnh Minh	Đam	CD21CK1	7,73	Khá	74	Khá	20	20	16/11/2023		CKCTM
185	21211TH4777	Đồng Thị	Thư	CD21TH3	7,72	Khá	85	Tốt	5	5		CNK125073	TH
186	21211DC3339	Nguyễn Đức	Châu	CD21DC2	7,72	Khá	73	Khá	17	17		CNC112900	DDT
187	21211KS1356	Trần Công	Vin	CD21KS1	7,71	Khá	90	Xuất sắc	16	16	17/11/2023		DL
188	21211OT0858	Nguyễn Văn	Sang	CD21OT10	7,71	Khá	84	Tốt	13	13		TNC114170	CKOT
189	21211NH2507	Nguyễn Lưu Ngọc	Nhung	CD21NH1	7,71	Khá	83	Tốt	14	14		CNC115260	DL
190	21211DD5138	Lê Văn	Hiếu	CD21DD1	7,71	Khá	79	Khá	14	14	27/11/2023		DDT
191	21211TH2441	Trịnh Thị Mỹ	Ngân	CD21TH2	7,71	Khá	79	Khá	12	12		CNC125153	TH
192	21211OT1567	Hà Văn	Thuận	CD21OT6	7,71	Khá	74	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
193	21211KS1207	Nguyễn Hồng	Thắng	CD21KS1	7,7	Khá	99	Xuất sắc	7	7		TNC115010	DL
194	21211DD0568	Lê Quốc	Trường	CD21DD1	7,7	Khá	80	Tốt	16	16	21/11/2023		DDT
195	21211QT0544	Phạm Thị Thanh	Ngân	CD21QT1	7,7	Khá	74	Khá	17	17		CNC104111	QTKD
196	21211OT1866	Huỳnh Tấn	Hào	CD21OT4	7,7	Khá	74	Khá	13	13		CSC114080	CKOT
197	21211TN3184	Võ Huỳnh Khánh	Như	CD21TN1	7,69	Khá	90	Xuất sắc	17	17		TNC130020	TN
198	21211QT2397	Điểu	Tây	CD21QT6	7,69	Khá	79	Khá	15	15		CNC104030	QTKD
199	21211OT0379	Nguyễn Tường	An	CD21OT2	7,69	Khá	79	Khá	13	13		CSC114080	CKOT
200	21211TA5188	Bùi Xuân	Tú	CD21TA1	7,68	Khá	94	Xuất sắc	12	12		CNC116240	TA
201	21211NH1623	Cù Thị Thanh	Hiền	CD21NH1	7,68	Khá	84	Tốt	18	18		CNC115260	DL

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
202	21211DH0552	Võ Hoàng	Đoan	CD21DH4	7,68	Khá	76	Khá	18	18	04/12/2023		CNTT
203	21211OT3001	Trần Văn Hồng	Trường	CD21OT13	7,68	Khá	74	Khá	16	16		CSC114080	CKOT
204	21211OT0196	Phạm Nhật	Nam	CD21OT1	7,67	Khá	88	Tốt	16	16		NNC100040	CKOT
205	21211OT1564	Huỳnh Tấn	Duy	CD21OT11	7,67	Khá	84	Tốt	12	12		CNC114132	CKOT
206	21211OT1134	Phan Nhất	Luân	CD21OT5	7,67	Khá	72	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
207	21211OT2338	Nguyễn Thành	Châu	CD21OT3	7,66	Khá	90	Xuất sắc	13	13		TNC114170	CKOT
208	21211KT2014	Nguyễn Thị	Thúy	CD21KT2	7,66	Khá	80	Tốt	11	11		TNC110080	TCKT
209	21211QT4522	Phạm Quỳnh	Như	CD21QT5	7,66	Khá	75	Khá	10	10	22/11/2023		QTKD
210	21211KS0869	Trần Tấn	Luật	CD21KS1	7,65	Khá	90	Xuất sắc	15	15	18/11/2023		DL
211	21211TN3054	Nguyễn Tuấn Thiệ	Nhân	CD21TN1	7,64	Khá	95	Xuất sắc	17	17		TNC130020	TN
212	21211KS0475	Võ Hùng Chiến	Nhật	CD21KS1	7,64	Khá	90	Xuất sắc	16	16	16/11/2023		DL
213	21211CK4582	Lưu Ngọc Bảo	Khánh	CD21CK4	7,64	Khá	80	Tốt	9	9	21/11/2023		CKCTM
214	21211OT3217	Phạm Tấn	Quãng	CD21OT11	7,64	Khá	74	Khá	10	10		CSC114080	CKOT
215	21211TH3982	Phạm Trọng	Phúc	CD21TH3	7,63	Khá	100	Xuất sắc	15	15	17/11/2023		TH
216	21211TA3774	Lê Thị Kim	Ngân	CD21TA2	7,63	Khá	94	Xuất sắc	12	12		CNC116300	TA
217	21211TN2385	Nguyễn Hoàng Ng	Diễm	CD21TN1	7,63	Khá	85	Tốt	17	17		TNC130020	TN
218	21211OT1409	Trịnh Xuân	Chương	CD21OT2	7,63	Khá	85	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
219	21211OT4372	Lê Duy	Hòa	CD21OT16	7,63	Khá	83	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
220	21211OT0656	Lê Trung	Tiến	CD21OT3	7,62	Khá	84	Tốt	13	13		CSC114080	CKOT
221	21211OT1642	Nguyễn Văn	Sỹ	CD21OT13	7,62	Khá	79	Khá	16	16		NNC100040	CKOT
222	21211OT1386	Trịnh Ngọc	Khôi	CD21OT2	7,62	Khá	74	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
223	21211OT3399	Đặng Thanh	Hải	CD21OT16	7,61	Khá	77	Khá	16	16		TNC114160	CKOT
224	21211KT4312	Lâm Tâm	Như	CD21KT3	7,59	Khá	91	Xuất sắc	14	14		TNC110080	TCKT
225	21211KS0472	Cao Nguyễn Xuân	Đông	CD21KS1	7,59	Khá	85	Tốt	16	16	21/11/2023		DL
226	21211CK1657	Bùi Anh	Xuông	CD21CK1	7,58	Khá	91	Xuất sắc	10	10		CNC102540	CKCTM
227	21211DC0986	Nguyễn Quốc	Trung	CD21DC1	7,58	Khá	84	Tốt	15	15		CNC112900	DDT
228	21211OT2326	Văn Khang	Huy	CD21OT11	7,58	Khá	80	Tốt	13	13		CSC114080	CKOT
229	21211OT3747	Lê Công	Hòa	CD21OT11	7,58	Khá	79	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
230	21211OT1868	Ngô Trường	Giang	CD21OT3	7,58	Khá	75	Khá	16	16		TNC114170	CKOT
231	21211TH4769	Nguyễn Hoàng	Nam	CD21TH3	7,57	Khá	83	Tốt	7	7	16/11/2023		TH

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
232	21211OT2446	Lê Võ Hoàng	An	CD21OT5	7,56	Khá	99	Xuất sắc	15	15		TNC114160	CKOT
233	21211KT0097	Thái Thục	Uyên	CD21KT1	7,56	Khá	95	Xuất sắc	15	15		CSC110110	TCKT
234	21211OT1028	Trần Mạnh	Hà	CD21OT1	7,56	Khá	95	Xuất sắc	13	13		TNC114170	CKOT
235	21211NH4798	Lê Minh	Long	CD21NH1	7,55	Khá	89	Tốt	15	15		NNC100040	DL
236	21211KS0897	Trần Ngọc Phương	Dung	CD21KS1	7,53	Khá	74	Khá	8	8	20/11/2023		DL
237	21211LH2173	Thái Trần Nhựt	Khải	CD21LH1	7,51	Khá	85	Tốt	13	13	21/11/2023		DL
238	21211LH1610	Lê Hoàng Tâm	Như	CD21LH1	7,5	Khá	85	Tốt	15	15	21/11/2023		DL
239	21211TH0859	Nguyễn Thị Hoa	Sim	CD21TH2	7,5	Khá	85	Tốt	12	12		CNK125020	TH
240	21211TH3521	Trần Linh	Chi	CD21TH2	7,5	Khá	83	Tốt	7	7		CNK125073	TH
241	21211OT1817	Lê Thanh	Trà	CD21OT8	7,5	Khá	79	Khá	21	21		CSK114010	CKOT
242	21211DH1572	Hà Việt	Nhật	CD21DH1	7,5	Khá	76	Khá	18	18		NNC121020	CNTT
243	21211LG1140	Đồng Thị Kim	Muội	CD21LG1	7,49	Khá	90	Xuất sắc	15	15		TNC104070	QTKD
244	21211NH1619	Nguyễn Thị Yến	Vy	CD21NH1	7,49	Khá	85	Tốt	18	18		CNC115260	DL
245	21211DD0409	Nguyễn Thanh	Tiến	CD21DD1	7,49	Khá	74	Khá	21	21		TNC112030	DDT
246	21211QT1479	Huỳnh Thu	Trinh	CD21QT5	7,49	Khá	70	Khá	17	17		CNC104092	QTKD
247	21211KT0970	Nguyễn Minh	Thư	CD21KT1	7,48	Khá	95	Xuất sắc	16	16		GDQP; TNC1	TCKT
248	21211TA0344	Nguyễn Thị Minh	Trúc	CD21TA1	7,48	Khá	79	Khá	13	13		CNC116300	TA
249	21211KT1378	Trần Thị Hoài	Thanh	CD21KT1	7,48	Khá	79	Khá	11	11		CNC110110	TCKT
250	21211OT4145	Trần Tiến	Kiệt	CD21OT15	7,48	Khá	78	Khá	13	13		TNC114170	CKOT
251	21211TN2275	Trần Thanh	Thủy	CD21TN1	7,47	Khá	84	Tốt	17	17		TNC130020	TN
252	21211TN0762	Đỗ Thị Như	Quỳnh	CD21TN1	7,47	Khá	83	Tốt	17	17		TNC130020	TN
253	21211QT1895	Hồ Thị Thùy	Dương	CD21QT4	7,47	Khá	72	Khá	16	16		CNC104030	QTKD
254	21211KT4434	Trần Tống Minh	Thư	CD21KT2	7,46	Khá	94	Xuất sắc	16	16		CNC110110	TCKT
255	21211DC2909	Đặng Đình	Khôi	CD21DC1	7,46	Khá	89	Tốt	19	19		CNC112900	DDT
256	21211TN0712	Vũ Thị	Mai	CD21TN1	7,44	Khá	93	Xuất sắc	17	17	16/11/2023		TN
257	21211OT0535	Trần Duy	Quang	CD21OT2	7,44	Khá	84	Tốt	16	16		NNC100040	CKOT
258	21211LH0308	Đỗ Nhật	Tân	CD21LH1	7,44	Khá	79	Khá	13	13	21/11/2023		DL
259	21211OT4989	Phan Hữu	Thuật	CD21OT19	7,43	Khá	83	Tốt	13	13		CSC114080	CKOT
260	21211TH5069	Ngô Nguyễn Diễm	Phúc	CD21TH3	7,43	Khá	78	Khá	12	12		CNK125073	TH
261	21211TH0284	Hoàng Thị Ngọc	Châm	CD21TH2	7,41	Khá	89	Tốt	12	12		CNK125020	TH

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
262	21211KT1078	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	CD21KT1	7,41	Khá	84	Tốt	11	11		TNC110080	TCKT
263	21211LH0911	Nguyễn Hoàng Tu	Linh	CD21LH1	7,41	Khá	73	Khá	15	15	20/11/2023		DL
264	21211QT3728	Nguyễn Đình	Sắt	CD21QT4	7,4	Khá	77	Khá	17	17		CNC104092	QTKD
265	21211TT4642	Nguyễn Quốc	Lượng	CD21TT9	7,4	Khá	74	Khá	7	7	04/12/2023		CNTT
266	21211LG4955	Nguyễn Thanh	Duy	CD21LG3	7,4	Khá	70	Khá	15	15	16/11/2023		QTKD
267	21211TT3164	Trần Thị Ngọc	Yến	CD21TT3	7,39	Khá	95	Xuất sắc	16	16		CNC107453	CNTT
268	21211OT2345	Phan Thành	Tâm	CD21OT6	7,39	Khá	84	Tốt	16	16		NNC100040	CKOT
269	21211TA4161	Lại Thị Phương	Nhung	CD21TA2	7,39	Khá	84	Tốt	14	14		CNC116240	TA
270	21211TT4610	Trương Thị Thủy	Hòa	CD21TT10	7,39	Khá	76	Khá	9	9	25/12/2023		CNTT
271	21211OT0846	Trần Nhật	Linh	CD21OT4	7,38	Khá	79	Khá	16	16		NNC100040	CKOT
272	21211OT0872	Nguyễn Ngọc	Trung	CD21OT4	7,37	Khá	89	Tốt	13	13		TNC114170	CKOT
273	21211KT0828	Đặng Thị	Hương	CD21KT1	7,37	Khá	80	Tốt	16	16		TNC110080	TCKT
274	21211QT1944	Huỳnh Thị Thùy	Linh	CD21QT1	7,37	Khá	72	Khá	20	20		CNC104092	QTKD
275	21211QT3966	Trần Nguyễn Than	Thúy	CD21QT4	7,36	Khá	90	Xuất sắc	20	20	19/11/2023		QTKD
276	21211KT3442	Đặng Thị	Phúc	CD21KT2	7,36	Khá	89	Tốt	11	11		TNC110080	TCKT
277	21211TN5009	Lê Thị Huỳnh	Thu	CD21TN2	7,36	Khá	84	Tốt	17	17		TNC130020	TN
278	21211QT1799	Ngô Gia	Bảo	CD21QT1	7,36	Khá	79	Khá	20	20	17/11/2023		QTKD
279	21211LH2738	Bùi Công	Chiêu	CD21LH1	7,35	Khá	90	Xuất sắc	20	20	21/11/2023		DL
280	21211OT4132	Ngô Đức	Vũ	CD21OT18	7,35	Khá	74	Khá	19	19		NNK100040	CKOT
281	21211LG2233	Trần Thị Thu	Thuyết	CD21LG2	7,35	Khá	74	Khá	13	13		TNC104080	QTKD
282	21211TA4616	Trần Thúy	An	CD21TA2	7,34	Khá	95	Xuất sắc	15	15		CNC116300	TA
283	21211TH4454	Nguyễn Văn	Hậu	CD21TH3	7,34	Khá	79	Khá	7	7		CNK125073	TH
284	21211TT4622	Nguyễn Văn Hoàn	Đức	CD21TT9	7,33	Khá	87	Tốt	15	15	23/11/2023		CNTT
285	21211LH3891	Đàm Thị Lan	Anh	CD21LH1	7,33	Khá	79	Khá	20	20		CNC105120	DL
286	21211TT0917	Võ Tấn	Sang	CD21TT1	7,33	Khá	79	Khá	18	18		CNC107311	CNTT
287	21211TA0130	Võ Thị Thu	Sang	CD21TA1	7,32	Khá	85	Tốt	12	12		CNC116240	TA
288	21211KS4056	Lê Tuấn	Nghị	CD21KS1	7,32	Khá	84	Tốt	9	9	16/11/2023		DL
289	21211DN0801	Võ Hữu	Tài	CD21DN1	7,32	Khá	79	Khá	22	22		CSC111040	DDT
290	21211OT0023	Hồ Thanh	Phương	CD21OT8	7,32	Khá	74	Khá	13	13		TNC114160	CKOT
291	21211TA3029	Nguyễn Thị Bích	Vân	CD21TA2	7,31	Khá	90	Xuất sắc	14	14		CNC116300	TA

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
292	21211DC1843	Đỗ Trường	Tam	CD21DC1	7,31	Khá	74	Khá	11	11		CNC112900	DDT
293	21211TH3110	Lê Thị Ngọc	Vy	CD21TH2	7,3	Khá	83	Tốt	5	5		CNK125073	TH
294	21211DD1379	Trịnh Đình	Nghĩa	CD21DD1	7,3	Khá	74	Khá	25	25		CSC112090	DDT
295	21211TN1074	Nguyễn Thị	Đậu	CD21TN1	7,29	Khá	85	Tốt	17	17		TNC130020	TN
296	21211LG1151	Võ Tấn	Tài	CD21LG2	7,27	Khá	74	Khá	13	13		CNC104460	QTKD
297	21211LG2186	Nguyễn Thị Thanh	Ngoan	CD21LG2	7,26	Khá	95	Xuất sắc	15	15		TNC104070	QTKD
298	21211DK1084	Nguyễn Hồng	Dương	CD21DK1	7,26	Khá	89	Tốt	16	16		CNK129020	CNTD
299	21211CK1735	Quách Minh	Hiếu	CD21CK2	7,26	Khá	73	Khá	13	13		CNC102540	CKCTM
300	21211LG0494	Nguyễn Hoàng	Nguyên	CD21LG1	7,25	Khá	95	Xuất sắc	15	15		TNC104080	QTKD
301	21211DC0592	Nguyễn Công	Khải	CD21DC1	7,25	Khá	84	Tốt	13	13	18/11/2023		DDT
302	21211DK0755	Lê Xuân	Trung	CD21DK1	7,25	Khá	77	Khá	17	17	24/11/2023		CNTD
303	21211TA0245	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CD21TA1	7,24	Khá	95	Xuất sắc	11	11		CNC116300	TA
304	21211NH1429	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	CD21NH1	7,24	Khá	85	Tốt	16	16	17/11/2023		DL
305	21211KT0117	Lê Xuân	Tuyến	CD21KT1	7,23	Khá	89	Tốt	18	18		TNC110080	TCKT
306	21211DK4065	Đoàn Ngọc	Tùng	CD21DK2	7,23	Khá	85	Tốt	15	15	21/11/2023		CNTD
307	21211LH3437	Võ Thị Tuyết	Sương	CD21LH1	7,23	Khá	78	Khá	19	19	16/11/2023		DL
308	21211DD0788	Lương Văn	Khanh	CD21DD1	7,23	Khá	74	Khá	26	26	16/11/2023		DDT
309	21211OT2444	Nguyễn Đình	Trường	CD21OT6	7,22	Khá	89	Tốt	13	13		TNC114170	CKOT
310	21211DD3016	Trương Nguyễn Sơ	Tùng	CD21DD2	7,22	Khá	81	Tốt	28	28		NNC100040	DDT
311	21211QS1629	Nguyễn Thị Thùy	Vy	CD21QS1	7,22	Khá	81	Tốt	15	15		CNC104200	QTKD
312	21211KT3251	Trần Sử Hoàng	Thư	CD21KT1	7,21	Khá	90	Xuất sắc	16	16		TNC110080	TCKT
313	21211KS1909	Mai Thành	Phong	CD21KS1	7,21	Khá	85	Tốt	18	18	16/11/2023		DL
314	21211DK2082	Nguyễn Hoàng	Duy	CD21DK1	7,21	Khá	78	Khá	15	15		CNC123020	CNTD
315	21211TC4891	Lý Thảo	Vy	CD21TC1	7,21	Khá	70	Khá	15	15	17/11/2023		TCKT
316	21211LG3140	Trần Thị	Xuyên	CD21LG2	7,2	Khá	76	Khá	18	18	16/11/2023		QTKD
317	21211KD1449	Nguyễn Huỳnh	Như	CD21KD1	7,2	Khá	70	Khá	16	16	16/11/2023		QTKD
318	21211TA3175	Lê Thị	Dung	CD21TA1	7,19	Khá	70	Khá	14	14		CNC116300	TA
319	21211KT2883	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CD21KT2	7,18	Khá	95	Xuất sắc	13	13		CNC110110	TCKT
320	21211OT3171	Nguyễn Đình	Khánh	CD21OT7	7,17	Khá	84	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
321	21211CK0745	Trần Anh	Tuấn	CD21CK1	7,17	Khá	79	Khá	11	11	09/12/2023		CKCTM

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
322	21211KT3055	Hồ Thị	Chung	CD21KT2	7,16	Khá	90	Xuất sắc	13	13		CNC110110	TCKT
323	21211DC0780	Lê Phan Hoài	Nam	CD21DC1	7,15	Khá	78	Khá	17	17	21/11/2023		DDT
324	21211OT1254	Trần Xuân	Mến	CD21OT2	7,14	Khá	84	Tốt	13	13		TNC114160	CKOT
325	21211DD1725	Trần Chí	Phố	CD21DD1	7,13	Khá	79	Khá	22	22	18/11/2023		DDT
326	21211TM0562	Nguyễn Minh	Trí	CD21TM1	7,13	Khá	75	Khá	8	8	16/11/2023		CNTT
327	21211LG1477	Lê Thị Kim	Hân	CD21LG1	7,13	Khá	71	Khá	18	18		CNC104030	QTKD
328	21211KT3510	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	CD21KT1	7,12	Khá	94	Xuất sắc	16	16		TNC110080	TCKT
329	21211KT0965	Hà Thị Mỹ	Linh	CD21KT1	7,12	Khá	84	Tốt	13	13		TNC110080	TCKT
330	21211KT1267	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	CD21KT1	7,12	Khá	79	Khá	13	13		CNC110110	TCKT
331	21211DC1851	Cao Xuân	Khang	CD21DC1	7,11	Khá	90	Xuất sắc	17	17		CNC112900	DDT
332	21211NH2751	Lê Thị Thùy	Dương	CD21NH1	7,1	Khá	85	Tốt	15	15		CNC115260	DL
333	21211TA2195	Nguyễn Thị Hoài	Thương	CD21TA1	7,1	Khá	74	Khá	11	11	17/11/2023		TA
334	21211KT5144	Đặng Thị Thanh	Trúc	CD21KT3	7,1	Khá	73	Khá	11	11		TNC110080	TCKT
335	21211LG3143	Đỗ Thanh	Hưng	CD21LG2	7,1	Khá	70	Khá	15	15	16/11/2023		QTKD
336	21211KT4604	Phạm Thị Mỹ	Nhạn	CD21KT3	7,09	Khá	99	Xuất sắc	11	11		CNC110110	TCKT
337	21211KS1921	Lê Nguyễn Phương	Uyên	CD21KS1	7,09	Khá	90	Xuất sắc	9	9		TNC115010	DL
338	21211OT2675	Hoàng Minh	Trường	CD21OT5	7,09	Khá	78	Khá	18	18		CSC114080	CKOT
339	21211QT0250	Tạ Thanh	Đạt	CD21QT2	7,08	Khá	75	Khá	16	16		CNC104092	QTKD
340	21211LG3923	Lê Thanh	Vy	CD21LG3	7,07	Khá	78	Khá	11	11		CNC104460	QTKD
341	21211KT1002	Lê Thị Cẩm	Tiên	CD21KT1	7,06	Khá	100	Xuất sắc	11	11		TNC110080	TCKT
342	21211DH2038	Bùi Trình	Tường	CD21DH4	7,05	Khá	83	Tốt	13	13	06/12/2023		CNTT
343	21211OT3879	Trần Thanh	Nhã	CD21OT14	7,04	Khá	88	Tốt	11	11		CSC114080	CKOT
344	21211LH3507	Huỳnh Thị Thúy	Vân	CD21LH1	7,04	Khá	84	Tốt	17	17		CNK115172	DL
345	21211TH1965	Đặng Lưu Thảo	Quyên	CD21TH2	7,04	Khá	75	Khá	12	12		CNK125073	TH
346	21211KT0830	Đặng Thị	Hạnh	CD21KT2	7,03	Khá	89	Tốt	11	11		CNC110110	TCKT
347	21211TA5041	Nguyễn Ngọc	Duyên	CD21TA1	7,03	Khá	80	Tốt	11	11		CNC116300	TA
348	21211LH0058	Vũ Văn	Quang	CD21LH1	7,02	Khá	90	Xuất sắc	19	19	21/11/2023		DL
349	21211DH0524	Đỗ Hoàng Nhật	Phương	CD21DH3	7	Khá	84	Tốt	16	16		CNC121350	CNTT
350	21211CK2057	Phạm Xuân	Trường	CD21CK2	7	Khá	83	Tốt	8	8		GDQP	CKCTM
351	21211TN0243	Lương Hoàng	Minh	CD21TN1	7	Khá	79	Khá	15	15		CNC130042	TN

STT	Mã SV	Họ &	Tên	Lớp	Điểm TBHT	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ tích lũy HK	Số tín chỉ thực tế đóng HP	Ghi chú		
											Đóng phí trễ/còn nợ	Học phần có điểm thi/ TBM dưới 5,0	
352	21211QT2010	Lê Ngọc Như	Huỳnh	CD21QT2	7	Khá	79	Khá	11	11		CNC104030	QTKD

Tổng cộng danh sách có 352 SV.